UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3534 /QĐ-UBND	*Thanh Hoá, ngày 10 tháng 9 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án điều chỉnh khu du lịch sinh thái biển Tiến Thanh tại xã Hoằng Tiến và xã Hoằng Thanh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hải Tiến

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 05 năm 2019 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường và quy hoạch quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Công văn số 15493/UBND-CN ngày 04/11/2020 của UBND tỉnh về việc chủ trương điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch biển Tiến Thanh, huyện Hoằng Hóa;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án điều chỉnh khu du lịch sinh thái biển Tiến Thanh tại xã Hoằng Tiến và xã Hoằng Thanh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH ĐT và DL Hải Tiến tại Hội nghị thẩm định ngày 25/6/2021; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 18/CTHT ngày 16/8/2021 của Công ty TNHH ĐT và DL Hải Tiến;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 802/Tr-STNMT ngày 01/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án điều chỉnh khu du lịch sinh thái biển Tiến Thanh của Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hải Tiến (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Hoằng Tiến và xã

Hoằng Thanh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

3. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Hoằng Hóa, Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hải Tiến và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án điều chỉnh khu du lịch sinh thái biển Tiến Thanh tại xã Hoằng Tiến và xã Hoằng Thanh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH ĐT và DL Hải Tiến

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin chung dự án:

1.1. Tên dự án: Dự án điều chỉnh khu du lịch sinh thái biển Tiến Thanh tại xã Hoằng Tiến và xã Hoằng Thanh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Chủ dự án: Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hải Tiến

- Người đại diện: Lê Xuân Thảo

- Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ: xã Hoằng Tiến và xã Hoằng Thanh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

Dự án được thực hiện trên tổng diện tích 275.970 m^2, gồm:

- Đất xây dựng khách sạn diện tích 132.788 m^2 (chiếm 48,1%) tổng diện tích quy hoạch (trong đó: có 33 khách sạn đã xây dựng và 92 Khách sạn đang quy hoạch chưa xây dựng)**.**

- Đất xây dựng nhà hội trường + biệt thự: Diện tích 25.160 m^2 (chiếm 9,1%) tổng diện tích quy hoạch (trong đó: có 13 biệt thự, 05 nhà sàn, 01 Hội trường đã xây dựng và 71 biệt thự đang quy hoạch chưa xây dựng).

- Đất dịch vụ - thương mại: Diện tích 19.577 m^2 (chiếm 7,1%) tổng diện tích quy hoạch, gồm: Dịch vụ thương mại du lịch, khu vui chơi giải trí khác cho du khách, làm đường dạo, bể bơi và các dịch vụ khác các hạng mục công trình này đều đã xây dựng.

- Đất quảng trường: Diện tích 3.640 m^2 (chiếm 1,3%) tổng diện tích khu đất, bố trí vị trí quảng trường, sân khấu; phục vụ tắm công cộng do khách du lịch, hiện công trình này đã được xây dựng.

- Đất giao thông: Diện tích 39.085 m^2 (chiếm 14,2%) diện tích quy hoạch, hiện đã được hoàn thiện.

- Đất rừng phòng hộ: Diện tích 39.720 m^2 (chiếm 14,4 %) diện tích quy hoạch, hiện đã được hoàn thiện.

- Đất cây xanh công viên: Diện tích 16.000 m^2 (chiếm 5,8%) diện tích quy hoạch, hiện đã được hoàn thiện.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Giai đoạn xây dựng:

2.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ công nhân khoảng 18,6 m^3/ngày (nước thải nhà vệ sinh khoảng 8,94 m^3/ngày; nước thải tắm rửa khoảng 9,3 m^3/ngày; nước thải từ quá trình ăn uống 0,36 m^3/ngày); thành phần chủ yếu chứa: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải vệ sinh máy móc, thiết bị, rửa xe: Phát sinh khoảng 22 m^3/ngày; thành phần chủ yếu chứa: Chất rắn lơ lửng, dầu mỡ,…

- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng trong ngày mưa lớn nhất khoảng 0,87 m^3/s. Tính chất ô nhiễm của nước mưa trong giai đoạn thi công xây dựng chủ yếu là ô nhiễm cơ học, ô nhiễm hữu cơ, ô nhiễm hóa chất, kim loại nặng và dầu mỡ.

2.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu; thi công các hạng mục công trình; từ quá trình sơn, hàn xì..…; thành phần chủ yếu chứa: bụi, SO_2, NOx, CO,…

2.1.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 97 kg/ngày chủ yếu là thức ăn thừa, túi nilon, giấy, bìa catton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải xây dựng: Tổng khối lượng chất thải từ quá trình xây dựng là 126,17 tấn; thành phần chất thải rắn xây dựng được xác định là phế liệu xây dựng bị rơi vãi như đất, cát, đá... Ngoài ra, còn một lượng chất thải rắn phát sinh từ quá trình lắp ghép các thiết bị và cấu kiện xây lắp của dự án.

2.1.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Trong giai đoạn thi công xây dựng của dự án, các hoạt động bảo trì, bảo dưỡng phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị không được thực hiện tại công trường mà được bảo trì, bảo dưỡng tại các gara trên địa bàn. và chỉ phát sinh trong trường hợp máy móc, thiết bị gặp sự cố trong quá trình thi công với khối lượng được dự báo như sau:

- Chất thải rắn nguy hại gồm giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa,.... khối lượng khoảng 64 kg/năm.

- Chất thải lỏng nguy hại chủ yếu là dầu máy thải với lượng khoảng 80 lít/năm.

2.2. Giai đoạn vận hành:

2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động tắm rửa, giặt giũ và vệ sinh của du khách, cán bộ nhân viên và từ khu thương mại dịch vụ của khu du lịch: 2.435 m^3/ngày (bao gồm: Nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ 1.217,5 m^3/ngày; Nước thải từ quá trình ăn uống: 730,5 m^3/ngày; Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện) 487 m^3/ngày). Thành phần chủ bao gồm: các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng và vi sinh vật gây bệnh.

- Nước mưa chảy tràn: lưu lượng trong ngày mưa lớn nhất là 1,222 m^3/s. Thành phần các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn trong giai đoạn này chủ yếu là các tạp chất, đất, cát.

2..2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn dự án đi vào vận hành chủ yếu gồm: bụi và khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào khu vực dự án, từ hoạt động của máy phát điện, từ khu vực phòng nghỉ, phòng ăn, nhà bếp, mùi hôi từ khu tập kết rác thải và từ hoạt động của bể phốt, hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung. Thành phần chủ yếu gồm: bụi, SO_2, NO_x, CO, NH_3; H_2S, CO_2, CH_4...

2.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn vận hành khoảng 32.220 kg/ngày (bao gồm: Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của du khách 12.000 kg/ngày; Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ nhân viên 1.500 kg/ngày; Chất thải nhà bếp 18.720 kg/ngày). Thành phần đặc trưng gồm: vỏ hoa quả, thức ăn thừa, giấy, nhựa, lá cây, kim loại...

- Bùn cặn từ các công trình xử lý môi trường: Khối lượng khoảng 7,86 m^3/ngày. Thành phần chủ yếu là bùn cặn từ hệ thống thu gom, thoát nước thải, hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu du lịch.

2.2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại của toàn bộ khu du lịch bao gồm: Bóng đèn huỳnh quang hỏng, pin, ắc quy thải, vỏ bình xịt muỗi, gián, chất thải phát sinh từ hoạt động chăm sóc cây, vườn hoa, cỏ (vỏ bao bì chứa hóa chất bảo vệ thực vật), chất thải phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa máy móc (găng tay, giẻ lau dính dầu, dính sơn...)... với khối lượng khoảng 1.356 kg/năm.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Giai đoạn xây dựng

3.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:

- Thực hiện công tác vệ sinh công trường sau mỗi ngày làm việc.

- Trong điều kiện trời mưa cần dừng ngay các hoạt động thi công, đồng thời tạo các rãnh thoát nước tạm thời để thoát ra mương thoát khu vực.

- Thường xuyên khơi thông, nạo vét cống, rãnh thoát nước nhằm tránh tắc nghẽn và giúp khơi thông dòng chảy được tốt hơn.

b. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân: Được thu gom và đưa về hố lắng có thể tích 5,0 m^3 (kích thước D x R x C = 2m x 2m x 1,25m) để lắng và sau đó thải ra mương thoát nước chung của khu vực.

- Nước thải từ quá trình ăn uống: Được đưa về 01 bể tách dầu mỡ đồng thời là bể lắng có thể tích 1 m^3 (kích thước: dài x rộng x cao = 1m x 1m x 1m, kết cấu bằng gạch, đáy và nắp bể bằng BTCT). Nước thải sau khi qua bể tách dầu được dẫn về hệ thống XLNT tập trung của khu du lịch để xử lý.

- Nước thải nhà vệ sinh được xử lý bằng bể tự hoại hiện có trong khu du lịch. Nước thải sau khi qua bể tự hoại được dẫn về hệ thống XLNT tập trung hiện có của khu du lịch để xử lý.

c. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng

Nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị, rửa xe được thu gom về 01 hố lắng tạm, mỗi hố có thể tích 11m^3 (*kích thước 2,75m x 2,0m x 2,0m)*, nước thải sau khi qua bể lắng được thoát ra mương thoát nước chung của khu vực.

3.1.2. Về bụi, khí thải:

- Sử dụng lưới chắn bụi, che chắn cho toàn công trình khi xây dựng trên cao để hạn chế bụi phát tán ra môi trường xung quanh.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân với số lượng 02 bộ/người/năm; phun nước giảm thiểu bụi đất, cát trong quá trình thi công dự án với tần suất phun tưới nước 04 lần/ngày và có thể tăng nếu phát sinh nhiều bụi; bố trí công nhân quét, dọn dẹp vật liệu xây dựng vương vãi xung quanh bãi tập kết sau khi trút đổ.

- Sử dụng các thiết bị máy móc và xe đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật; Các xe vận chuyển vật liệu được che phủ kín bạt, vận chuyển đúng tải trọng và tốc độ quy định; Phun rửa lốp xe trước khi ra khỏi công trường.

- Đối với công đoạn hàn xì: trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm công việc sơn, hàn xì như quần áo, mũ, giầy, găng tay, khẩu trang, kính... và cung cấp đầy đủ nước uống cũng như bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt:

- Trang bị 05 thùng đựng rác thải 40 lít/thùng để thu gom rác thải sinh hoạt khu lán trại.

- Trang bị 01 xe đẩy rác bằng tay (dung tích 0,5 m^3/xe) đặt tại khu vực cạnh lán trại công nhân để thu gom rác thải tập trung.

- Rác thải sau khi thu gom tập trung, chủ đầu tư ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý theo quy định; tần suất thu gom 01 lần/ngày.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng:

- Đối với chất thải từ quá trình phá dỡ công trình xây dựng: Thuê đơn vị có chức năng vận chuyển đi san nền tại các dự án trên địa bàn hoặc vận chuyển đi đổ thải theo quy định.

- Đối với CTR từ quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình: Sử dụng để san nền tại các dự án hoặc thuê đơn vị chức năng vận chuyển đi đổ thải theo quy định.

- Chất thải rắn như bìa cattông, các mẫu sắt thừa,... có thể tái chế sẽ được thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Trang bị 04 thùng có dung tích 240 lít/thùng để chứa chất thải rắn nguy hại; (trong đó 02 thùng chứa dầu nhớt thải và 02 thùng chứa chất thải rắn nguy hại). Các thùng đựng có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định; lưu trữ tạm tại kho chứa chất thải nguy hại của dự án.

- Định kỳ chủ đầu tư ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý theo quy định.

3.1.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

a. Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng nhằm đảm bảo an toàn trong thi công và đảm bảo các quy chuẩn về môi trường.

- Trang bị đầy đủ nút tai chống ồn cho công nhân trong quá trình vận hành máy móc có độ ồn cao.

- Hạn chế tối đa các máy móc, phương tiện thi công hoạt động đồng thời gây tiếng ồn cộng hưởng.

b. Biện pháp giảm thiểu độ rung:

- Các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công phải đảm bảo độ rung nằm trong giới hạn cho phép theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

3.2. Giai đoạn vận hành:

3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa trên mái công trình cùng với nước mưa chảy tràn trên sân đường nội bộ được thu vào hệ thống mương thoát nước nội bộ D600 và xả thải ra mương thoát nước phía Nam khu đất, sau đó thoát ra kênh Trường Phụ. Định kỳ trước và sau mùa du lịch (tháng 4 và tháng 9 hàng năm) tiến hành nạo vét tuyến mương thu gom nước nội bộ nhằm tăng khả năng tiêu thoát nước, không để xảy ra tình trạng ngập úng, ách tắc dòng chảy.

- Nước thải từ tắm rửa, giặt giũ từ các phòng nghỉ của các khách sạn: được thu gom về mương thoát nước thải, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt chuẩn.

- Nước thải từ khu giặt là: Được thu gom cùng với nước thải tắm rửa, giặt giũ thoát ra mương thoát nước thải chung dẫn về hệ thống XLNT tập trung của khu du lịch để xử lý.

- Nước thải nhà bếp, nhà ăn: Được thu gom qua các bể tách dầu mỡ, sau thoát ra mương thoát nước thải tập trung và dẫn về hệ thống XLNT tập trung của khu du lịch.

- Nước thải vệ sinh: Được thu gom qua các bể tự hoại, sau bể tự hoại được thoát ra mương thoát nước thải tập trung và dẫn về hệ thống XLNT tập trung của khu du lịch.

- Đối với hệ thống XLNT tập trung: Tiếp tục sử dụng hệ thống xử lý nước thải tập trung hiện có công suất 200 m^3/ngày và xây dựng mới 02 trạm xử lý nước thải tập trung có công suất lần lượt là 1.200 m^3/ng.đêm và 1.500 m^3/ng.đêm (vị trí cạnh khu xử lý nước thải tập trung hiện có) để xử lý nước thải phát sinh cho toàn bộ khu vực dự án.

+ Quy trình công nghệ xử lý: Nước thải → Bể thu gom → Bể Anoxic 1 → Bể Aerotank 1 → Bể Anoxic 2 → Bể Aerotank 2 → Bể lắng 1,2 → Bể trung gian → Cột lọc áp lực → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý (Đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) thải ra môi trường.

+ Nước thải từ các hệ thống xử lý nước thải tập trung được dẫn về bể chứa nước thải của 3 mô đun xử lý. Lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục tại khu vực bể chứa nước thải này trước khi xả ra môi trường; lắp đặt camera theo dõi với các thông số quan trắc tự động, liên tục bao gồm: lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, NH_4^+.

+ Nước sau khi xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B).

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương tiêu thoát nước khu vực phía Nam khu đất và thoát ra kênh Trường Phụ.

3.2.2. Về bụi, khí thải:

- Quy định bãi đỗ xe cho từng loại phương tiện giao thông ra vào cơ sở, tránh ùn tắc tại khu vực đỗ xe nhằm hạn chế lượng khí thải phát sinh.

- Bố trí nhân viên sắp xếp vị trí đậu đỗ xe cho khách để tránh cho các phương tiên nổ máy quá lâu phát sinh nhiều khí thải trong khu vực để xe.

- Khu vực sân bãi phải thường xuyên quét dọn vệ sinh.

- Trồng nhiều loại cây xanh có bóng mát trong khuôn viên cơ sở nhằm tạo cảnh quan cũng như điều hòa vi khí hậu khuôn viên cơ sở.

- Khu vực phòng nghỉ: Thường xuyên vệ sinh các phòng nghỉ hạn chế sự phát tán của bụi và ô nhiễm môi trường; thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt trong ngày, tránh để rác thải tồn đọng lâu sẽ bị phân huỷ, bốc mùi khó chịu gây ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh.

- Lắp đặt máy phát điện trong phòng riêng biệt xa các phòng nghỉ của khách; thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện.

- Khu vực nhà bếp, nhà ăn: được thiết kế thông thoáng và lắp đặt hệ thống quạt thông gió, hệ thống hút mùi và ống dẫn khí thải từ khu bếp thoát ra môi trường bên ngoài các khu nhà; thường xuyên lau chùi, vệ sinh sạch sẽ khu vực chế biến thức ăn, khu vực bàn ăn sau mỗi bữa ăn.

- Khi hết mùa du lịch cơ sở sẽ để lại một số phòng nghỉ để kinh doanh, các phòng còn lại sẽ thu dọn sạch sẽ, chăn ga gối đệm sẽ được phơi phóng bảo quản trong túi nilon để tránh ẩm mốc. Khi tới tiết có nắng, gió mát phòng nghỉ sẽ được mở cửa tránh mùi ẩm mốc phát sinh.

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

+ Trang bị các thùng đựng rác thải có dung tích từ 10 - 80 lít lắp đặt tại các vị trí có phát sinh CTR như: Khu vực phòng nghỉ, hành lang các tầng của các khu khách sạn và khu biệt thự, khu vực nhà ăn, khu vực nhà bếp và dọc khu vực sân, đường nội bộ...; trang bị các xe đẩy rác bằng tay (dung tích 0,5 m^3/xe) để lưu giữ tạm thời tại khuôn viên khách sạn trước khi hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý.

- Đối với bùn cặn từ các công trình xử lý môi trường: được thu gom về bể chứa bùn, định kỳ thuê đơn vị có chức năng để hút và vận chuyển đi xử lý theo quy định.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Trang bị các thùng (dung tích 60 lít/thùng) đặt tại các công trình khách sạn, nhà hàng, trung tâm thương mại để thu gom chất thải nguy hại phát sinh. Toàn bộ chất thải nguy hại sau đó sẽ được thu gom về các thùng có nắp đậy, dung tích 240 lít/thùng và được dán nhãn để phân loại theo quy định của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại tại nhà tập kết chất thải nguy hại có diện tích 20m^2 tại khu xử lý chất thải tập trung của khu du lịch để hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý theo quy định.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

4.1. Giám sát chất thải trong quá trình xây dựng

a. Giám sát chất lượng môi trường không khí

- Tần suất giám sát: 06 tháng/1 lần

- Chỉ tiêu giám sát: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO_2, NO_2, NH_3, H_2S

- Vị trí giám sát:

+ K1: Khu vực lán trại công nhân.

+ K2: Khu vực thi công.

+ K3: Khu vực cổng ra vào.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

+ QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn: Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

+ QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu: Mức tiếp xúc cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

+ QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị gới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;

+ QCVN 03: 2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

b. Giám sát chất lượng môi trường nước thải

- Chỉ tiêu giám sát: pH, TSS, BOD_5, Dầu mỡ, NH_4^+ theo N, NO_3^-, PO_4^{3-}, tổng các chất hoạt động bề mặt, Colifom.

- Vị trí giám sát: NT: Nước thải khi vào hệ thống xử lý tập trung và nước thải sau khi xử lý tại hệ thống XLNT tập trung khi thải ra môi trường.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B);

4.2. Giám sát nước thải trong quá trình hoạt động

a. Quan trắc nước thải định kỳ

- Tần suất giám sát: 03 tháng/1 lần

- Chỉ tiêu giám sát: NO_3^-, PO_4^{3-}, S^{2-}, tổng các chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ động thực vật, tổng Coliforms;

- Vị trí giám sát:

+ NT: Nước thải tại hố thu gom nước thải tập trung sau 03 hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án trước khi thải ra môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, k = 1).

b. Quan trắc nước thải tự động:

- Vị trí quan trắc: Hố thu gom nước thải tập trung sau 03 hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án trước khi thải ra môi trường

- Thông số quan trắc: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra); Nhiệt độ, pH, TSS, BOD_5; COD, NH_4^+.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, k = 1)./.